

Mức độ linh hoạt khi ghi nhớ từ tiếng Anh của học sinh lớp 6

Đào Thị Diệu Linh*

*Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 28 tháng 01 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 04 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 05 năm 2015

Tóm tắt: Bài báo này đề cập tới mức độ linh hoạt của học sinh lớp 6 khi học và ghi nhớ từ tiếng Anh. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ linh hoạt của học sinh lớp 6 khi ghi nhớ từ tiếng Anh ở mức trung bình. Nhiều học sinh không ghi nhớ được hết những đặc điểm về ngữ âm, cách viết và nghĩa của từ đã học, không sử dụng được nghĩa của từ một cách linh hoạt khi chúng được dùng trong những tình huống, hoàn cảnh khác nhau. Mức độ ghi nhớ hình thức chữ viết của từ và ghi nhớ nghĩa của từ có mối tương quan thuận với nhau và khá chặt chẽ. Đây là mối tương quan giữa mặt hình thức và nội dung của ngôn ngữ, đồng thời cũng là mối quan hệ giữa hai cấp độ mã hóa thông tin. Nếu học sinh mã hóa được thông tin ở mức độ sâu hơn, tức là mức độ ngữ nghĩa, thì mức độ ghi nhớ từ sẽ tốt hơn và vận dụng chúng hiệu quả hơn. Những kết quả thu được từ nghiên cứu này là cơ sở khoa học hữu ích cho việc đánh giá mức độ kỹ năng ghi nhớ từ tiếng Anh nói chung của HS lớp 6, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh ở trường phổ thông hiện nay.

Từ khóa: Mức độ linh hoạt, kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng ghi nhớ từ, ghi nhớ từ tiếng Anh, ghi nhớ và vận dụng từ tiếng Anh.

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế hội nhập và phát triển như hiện nay, có thể nói giao tiếp và sử dụng thành thạo ngoại ngữ đã và đang trở thành nhu cầu thiết yếu của xã hội. Vấn đề mở rộng và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ được nhiều quốc gia quan tâm, bởi lẽ ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng là con đường duy nhất để các quốc gia, các dân tộc có thể hiểu biết lẫn nhau và cùng nhau phát triển. Tuy nhiên, để có thể giao tiếp và sử dụng thành thạo ngoại ngữ,

trong đó có tiếng Anh, người học cần ghi nhớ được từ, biết cách sử dụng từ để thể hiện ý của mình trong các hoạt động lời nói khác nhau.

Đối với hoạt động giảng dạy ngoại ngữ, để đạt được mục đích chung là hình thành năng lực ngoại ngữ cho người học, việc người học nắm vững từ vựng là một trong ba điều kiện cụ thể và quan trọng (bên cạnh việc nắm vững ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ đó). Khi học ngoại ngữ, người học phải biết cách để ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp, mô hình lời nói, hành động lời nói ngoại ngữ... đặc biệt là nhớ từ - đơn vị (vật liệu) tạo nên ngôn ngữ đó. Nếu không ghi nhớ được từ, không biết cách để ghi

*ĐT: 84-912170182

Email: daodieulinh1980@gmail.com

nhớ từ, hay vốn từ vựng ít, người học ngoại ngữ tất yếu cũng không thể sử dụng ngoại ngữ đó để giao tiếp cho dù họ có sự thông hiểu về các cấu trúc ngữ pháp. Nói cách khác, kỹ năng ghi nhớ từ trong học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng. Nếu người học không biết cách ghi nhớ từ, vốn từ vựng hạn chế thì khó có thể thực hiện được các hoạt động lời nói bằng ngoại ngữ đang học.

Trong những năm qua, môn ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) đã được đưa vào giảng dạy chính thức như một môn văn hóa cơ bản từ cấp trung học cơ sở (THCS), và ở một số trường tiểu học được giảng dạy như một môn học tự chọn, số lượng học sinh (HS) học tiếng Anh chiếm đa số. Với HS lớp 6, đây là năm học đầu tiên, các em học tiếng Anh với tư cách là một môn học chính thức và bắt buộc. HS lớp 6 khi học tiếng Anh có thể gặp một số khó khăn nhất định, trong đó có những khó khăn khi ghi nhớ và vận dụng từ tiếng Anh. Bởi lẽ, một trong những đặc điểm của từ tiếng Anh là một từ có thể có nhiều nghĩa khác nhau khi chúng được sử dụng trong những tình huống, hoàn cảnh khác nhau.

Việc nghiên cứu và tìm ra những khó khăn của HS lớp 6 khi học tiếng Anh nói chung và ghi nhớ, vận dụng từ tiếng Anh nói riêng là việc làm cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học ngoại ngữ ở các trường THCS hiện nay.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm trí nhớ và ghi nhớ

Nhìn chung, thuật ngữ trí nhớ đều được sử dụng đối với các cấu trúc và quá trình liên quan tới việc lưu giữ và làm xuất hiện lại những thông tin sau đó. Trí nhớ là yếu tố thiết yếu của cuộc sống. Không có trí nhớ, cuộc sống của con

người không thể diễn ra một cách bình thường, ổn định và lành mạnh [1: 105]. Về mặt tâm lý học, thuật ngữ trí nhớ bao hàm ba giai đoạn quan trọng của quá trình thông tin, đó là mã hóa (encoding); lưu giữ (storage) và tái hiện (retrieval).

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi định nghĩa: *Trí nhớ là một quá trình tâm lý phản ánh những kinh nghiệm của cá nhân dưới hình thức biểu tượng, bao gồm sự ghi nhớ, lưu giữ và tái hiện sau đó những cái mà con người đã trải qua.*

Ghi nhớ là giai đoạn đầu tiên của một hoạt động nhớ cụ thể nào đó. Ghi nhớ là quá trình hình thành “dấu vết” của đối tượng mà ta đang tri giác trên vỏ não, đồng thời cũng là quá trình hình thành mối liên hệ giữa tài liệu mới với tài liệu cũ đã có, cũng như mối liên hệ giữa các bộ phận của bản thân tài liệu mới với nhau. Điều này làm cho ghi nhớ khác với tri giác, mặc dù ghi nhớ khởi đầu đồng thời với quá trình tri giác tài liệu [2: 157].

Ghi trong “ghi nhớ” dùng để chỉ sự ghi nhận và lưu giữ [3: 10], nghĩa là nhận biết và “ghi lại” những đặc điểm của sự vật, hiện tượng cũng như mối liên hệ giữa chúng. Đó chính là quá trình tạo những “dấu vết” của sự vật, hiện tượng được tri giác và ghi nhận lại, lưu giữ lại những “dấu vết” đó trên vỏ não. Về nghĩa, trong ghi nhớ phải có “ghi” trước rồi mới có “nhớ” sau. “Ghi” là tiền đề cho “nhớ”, nếu không nhận thức được những đặc điểm của sự vật hiện tượng, ghi nhận thông tin đó trên não bộ thì cũng sẽ không có gì để “nhớ”.

Từ những nội dung của hành động ghi nhớ như trên, chúng tôi hiểu: *ghi nhớ là hành động xác định và ghi nhận đặc điểm, cách dùng cái cần ghi nhớ, sử dụng cách thức xác định để ghi nhớ và khi cần có thể tái hiện được.*

Để có thể ghi nhớ tốt, những thông tin được đưa về não bộ phải trải qua quá trình rất quan

trọng đó là mã hóa. Mô hình các cấp độ xử lý thông tin [4] cũng cho thấy cách chúng ta mã hóa thông tin sẽ phản ánh việc chúng ta ghi nhớ tốt đến đâu. Thông tin được lưu giữ ở cấp độ nào phụ thuộc rất lớn vào việc thông tin đó được mã hóa ra sao. Cấp độ xử lý thông tin càng sâu bao nhiêu (mức độ sâu - ghi nhớ ngữ nghĩa - semantic) thì thông tin càng dễ dàng tái hiện được tốt bấy nhiêu [5: 190]. Điều đó cho thấy những thông tin ban đầu khi dạy ngoại ngữ rất quan trọng. Những thông tin về cách đọc, cách viết, ngữ nghĩa và cách sử dụng từ sẽ được mã hóa trên não bộ và là cơ sở để tiếp nhận và liên kết với các thông tin tiếp theo. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi không phân tích sâu khâu mã hóa của ghi nhớ mà chỉ khẳng định vai trò quan trọng của quá trình này và ứng dụng quan điểm khẳng định việc ghi nhớ ngôn ngữ ở tầng bậc sâu (ngữ nghĩa) là rất quan trọng và cần có ở người học.

2.2. Khái niệm từ và từ tiếng Anh

Tổng hợp các quan điểm về từ, về chức năng của từ dựa trên các phương diện ngôn ngữ học, tâm lý học, tâm lý ngôn ngữ học và giáo dục ngoại ngữ, chúng tôi cho rằng từ bao hàm trong nó nhiều đặc điểm, thành tố khác nhau mà khi học, tìm hiểu về từ và ghi nhớ từ, mỗi cá nhân cần linh hoạt được để có thể sử dụng từ một cách hiệu quả. Trong nghiên cứu này, chúng tôi không đi sâu phân tích khái niệm từ về mặt ngôn ngữ học đơn thuần mà phân tích dựa trên nền tảng của tâm lý học và tâm lý ngôn ngữ học.

Một là, mỗi từ đều có những đặc điểm về mặt âm thanh (mặt ngữ âm, cách phát âm của từ). Mỗi từ, trong một ngôn ngữ cụ thể và cả với những ngôn ngữ khác nhau, đều có đặc điểm về âm thanh riêng biệt đòi hỏi mỗi cá nhân khi sử dụng (và muốn giao tiếp hiệu quả, muốn người khác hiểu mình) đều phải phát âm đúng âm thanh ấy.

Hai là, mỗi từ đều chứa đựng những đặc điểm về mặt chữ viết (văn tự), nghĩa là cách viết, là sự kết hợp những chữ cái nhất định để tạo nên từ đó.

Ba là, từ chứa đựng trong nó ý nghĩa nhất định, tức là mặt nội dung của từ, là từ đó biểu thị cho cái gì, cho sự vật, hiện tượng, hay mối quan hệ, liên hệ nào. Ý nghĩa của từ ở đây bao gồm cả nghĩa đen và nghĩa bóng của từ, tức là cả nghĩa và ý của chủ thể khi giao tiếp.

Bốn là, từ bao hàm trong nó nội dung văn hóa. Đó là nội dung, ý nghĩa về mặt văn hóa của ngôn ngữ, của dân tộc sáng tạo và sử dụng thứ ngôn ngữ ấy. Vì thế, tùy thuộc vào đặc điểm văn hóa của từng ngôn ngữ nhất định, từ được sử dụng trong những bối cảnh, tình huống khác nhau thể hiện nội dung văn hóa khác nhau.

Năm là, từ còn bao hàm trong nó những chức năng nhất định như loại từ, cách kết hợp và sử dụng từ... Mỗi từ đều có các chức năng cụ thể (như chỉ vật, chỉ tính chất, chỉ hành động/hoạt động, chỉ các mối liên hệ khác nhau...) với nghĩa xác định, tức là có cách sử dụng xác định, cách kết hợp với các từ khác trong một ngôn ngữ cụ thể theo quy luật của ngôn ngữ ấy [6], [7].

Vì thế, khi sử dụng từ, chủ thể không chỉ dừng ở việc sử dụng âm thanh (ngôn ngữ nói), chữ viết (ngôn ngữ viết), ý nghĩa của từ, mà để có thể sử dụng đúng và hiệu quả, chủ thể còn phải sử dụng từ đó sao cho đúng với chức năng của nó, kết hợp với các từ khác một cách hợp lý để thể hiện ý của mình trong các tình huống lời nói khác nhau.

Từ những nội dung trên, chúng tôi xây dựng khái niệm từ như sau: *từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ và lời nói, có những đặc điểm về âm thanh, chữ viết, nghĩa, ý và nội dung văn hóa xác định, có chức năng và cách sử dụng theo quy luật ngôn ngữ cụ thể để thể hiện ý trong giao tiếp.*

Trên cơ sở đó, từ tiếng Anh cũng được chúng tôi hiểu như sau: *từ tiếng Anh là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, lời nói tiếng Anh, có những đặc điểm âm thanh, chữ viết, nghĩa, nội dung văn hóa xác định, có cách dùng theo quy luật ngôn ngữ Anh để thể hiện ý trong giao tiếp.*

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng khái niệm từ theo quan điểm của *tâm lý ngôn ngữ học* như trên. Người học ghi nhớ được từ ở mức độ cao nghĩa là phải sử dụng được từ để thể hiện ý của mình, khi đó, chủ thể mới có thể sử dụng được từ và ngôn ngữ được học một cách hiệu quả trong hoạt động và giao tiếp của bản thân. Đó là mục đích cao nhất của việc ghi nhớ từ.

3. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 216 HS lớp 6 và 11 GV giảng dạy tiếng Anh ở 02 trường THCS trên địa bàn Hà Nội (trường THCS Cát Linh, quận Đống Đa và trường THCS Phương Canh, quận Nam Từ Liêm).

Để tìm hiểu thực trạng mức độ linh hoạt khi ghi nhớ từ tiếng Anh của HS lớp 6, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản sau: phương pháp quan sát, phương pháp thực nghiệm nhận biết, phương pháp điều tra bằng

bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn. Trong đó, phương pháp quan sát và thực nghiệm nhận biết được sử dụng phối hợp với nhau để đánh giá mức độ linh hoạt của HS khi ghi nhớ và tái hiện từ tiếng Anh. Trong quá trình HS học và làm các bài tập thực nghiệm, chúng tôi quan sát, đánh dấu và ghi chép lại những biểu hiện của HS. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn được sử dụng nhằm thu thập những dữ liệu định tính, bổ sung cho những kết quả thu được từ phương pháp thực nghiệm nhận biết và quan sát. Những kết quả thu được từ các phương pháp trên được xử lý bằng các phương pháp thống kê toán học và phần mềm SPSS 20.0 (SPSS - *Statistical Product and Services Solutions* - là một phần mềm thống kê, thường được sử dụng trong nghiên cứu xã hội đặc biệt là trong tâm lý học, tiếp thị và xã hội học). Các thông số và phép thống kê được dùng trong nghiên cứu chủ yếu là phân tích thống kê mô tả.

Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu mức độ linh hoạt khi ghi nhớ từ tiếng Anh của HS lớp 6 đối với 3 loại từ (danh từ, động từ, tính từ) và đánh giá mức độ linh hoạt của học sinh theo 5 mức độ: hoàn toàn không linh hoạt (1 điểm), ít linh hoạt (2 điểm), bình thường (3 điểm), khá linh hoạt (4 điểm) và hoàn toàn linh hoạt (5 điểm).

Bảng 1. Mức độ linh hoạt của học sinh lớp 6 khi ghi nhớ từ tiếng Anh

TT	Mức độ linh hoạt khi ghi nhớ:	Loại từ	ĐTB	ĐLC	ĐTB chung	Mức độ
1	Mặt ngữ âm của từ	Danh từ và tính từ	2.78	0.73	2.91	Trung bình
		Động từ	3.05	0.69		
2	Hình thức chữ viết của từ	Danh từ	2.43	1.81	3.11	Trung bình
		Động từ	3.62	1.14		
		Tính từ	3.28	1.38		
3	Nghĩa của từ	Danh từ	1.95	1.93	1.96	Yếu
		Động từ	2.05	1.94		
4	Loại từ	Tính từ	1.89	1.86	3.16	Trung bình
		Mức độ chung	3.16	1.24		

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

4. Kết quả nghiên cứu và diễn giải

Mức độ linh hoạt của HS lớp 6 khi ghi nhớ từ tiếng Anh được xác định cụ thể ở từng biểu hiện trong Bảng 1.

4.1. Mức độ linh hoạt của học sinh lớp 6 khi ghi nhớ ngữ âm từ tiếng Anh

Tận dụng những đặc điểm của danh từ và tính từ trong tiếng Anh cũng như khả năng kết hợp của hai loại từ này, chúng tôi sử dụng những cụm từ có chứa những danh từ và tính từ đã học để tìm hiểu tính linh hoạt khi phát âm những cụm từ này thay vì HS chỉ phát âm những từ mới đơn lẻ. Ở bài tập này, HS phải đọc to, rõ ràng những cụm từ theo yêu cầu của bài tập.

Kết quả nghiên cứu cho thấy một số lượng ít HS có thể phát âm hoàn toàn linh hoạt những danh từ và tính từ đã học (9.3%). Với các cụm từ *A round face, An oval face, Small nose, Brown eyes*, không có HS nào vận dụng được những từ đã học để kết hợp và phát âm một cách hoàn toàn linh hoạt. HS đọc các từ đã học trong cụm từ mới chưa thực sự trôi chảy, vẫn còn mắc một số lỗi về phát âm, không phát âm âm cuối hoặc không nối âm giữa các từ với nhau. Với những cụm từ được nghiên cứu, HS vừa phải đảm bảo phát âm đúng những từ đã học, vừa phải kết hợp giữa các từ riêng lẻ với nhau, đọc liền mạch, nối âm (nếu có). Đây là những khó khăn lớn nhất của HS khi phát âm tiếng Anh.

Điểm trung bình (ĐTB) tính linh hoạt của HS khi phát âm các động từ tiếng Anh là **3.05**, độ lệch chuẩn (ĐLC) **0.69**. Riêng với hai từ *get* và *leave* là những từ các em đã học, nhưng trong bài này, các em phải linh hoạt khi đọc các từ đó trong các từ và cụm từ khác nhau. Căn cứ vào ĐTB cho thấy, từ *get dressed* có ĐTB thấp

nhất (2.4 điểm), các từ *get up, get dressed, gets up, leaves* đều có ĐTB thấp hơn so với các từ ở dạng *V-ing*. HS vận dụng những kiến thức ngữ âm đã học để đọc các từ được nghiên cứu chủ yếu ở mức bình thường, ít linh hoạt và vẫn còn khá nhiều em hoàn toàn không linh hoạt khi ghi nhớ những kiến thức ngữ âm đã học để phát âm các từ *get up, get dressed, gets up* và *leaves*. Số HS này đọc từ còn nhiều ngắc ngứ, mắc nhiều lỗi về phát âm, nối âm, đọc các từ còn rời rạc.

Tóm lại, HS lớp 6 chưa thực sự linh hoạt khi vận dụng những kiến thức về ngữ âm khi đọc các từ đơn lẻ để có thể phát âm những từ đó trong hoàn cảnh, trật tự mới, hoặc ngay cả khi những từ đã học đó được kết hợp với nhau. HS đặc biệt gặp khó khăn khi phải đọc liền mạch với các từ có nhiều âm tiết. Thực tế này hoàn toàn phù hợp với những nghiên cứu, phỏng vấn sâu của chúng tôi. Cả GV và HS đều khẳng định những từ tiếng Anh dài (có nhiều âm tiết) và việc phát âm các âm cuối là một trở ngại rất lớn khiến HS khó ghi nhớ ngữ âm từ tiếng Anh. Chẳng hạn, một số GV đã khẳng định: HS *hay bỏ âm cuối, từ có nhiều âm tiết thì HS hay quên cách đọc* (Phiếu GV số 7 và 8); HS *hay bỏ âm gió khi đọc* (Phiếu GV 9); *Phát âm sai âm cuối* (Phiếu GV 10)...

4.2. Mức độ linh hoạt của học sinh lớp 6 khi ghi nhớ hình thức chữ viết từ tiếng Anh

Từ những kết quả nghiên cứu về cả 3 loại từ, tính linh hoạt của HS khi xác định và ghi nhận hình thức chữ viết của từ được đánh giá ở mức trung bình (Bảng 1). HS lớp 6 vận dụng chưa linh hoạt và sáng tạo những kiến thức về từ đã học để hoàn thành các bài tập được giao. Đặc biệt, mức độ linh hoạt của HS khi ghi nhớ cách viết của các danh từ ở mức yếu, các em gần như không ghi nhớ được và không vận dụng được cách viết của các danh từ đã học để

có thể tái hiện và viết lại chúng. 23.9% HS không thể ghi nhớ và tái hiện những từ tiếng Anh đã học trong điều kiện, hoàn cảnh mới, nhiều em không thể viết lại được bất cứ một từ nào trong 10 từ của bài tập.

Kết quả nghiên cứu với từng loại từ cho thấy: với những danh từ đã học, trên cơ sở những chữ cái đã có, nhiều HS có thể sắp xếp được chính xác một số từ như *bookstore, cinema, gymnast...* Đối với động từ, HS phải nhận ra được những động từ còn thiếu để điền vào các mẫu câu khác nhau. Các động từ còn thiếu trong các mẫu câu là: *have, likes, is reading, get, gets, gets, riding, driving, unloading*. HS ghi nhớ được tốt nhất động từ *have* trong hai mẫu câu khác nhau với 96% HS làm đúng ở câu đầu tiên (*I have a round face*) và 94% HS làm đúng ở câu thứ hai (*I often have breakfast at 6.30 a.m.*). Với các động từ còn lại, tỉ lệ HS xác định được cách viết của từ, liên hệ được chính xác hình thức ngữ âm và chữ viết của từ chiếm tỉ lệ thấp hơn. Riêng với các động từ ở dạng V-ing như *riding, driving, unloading*, nhiều HS không xác định được cách viết của từ. Với từ *unloading*, chỉ có 26.6% HS ghi nhớ và tái hiện đúng cách viết của từ này. Các em nhầm lẫn giữa *un* và *an*, cho rằng *un* là một mạo từ giống *a, an*, lỗi này khá phổ biến, khiến HS không đạt được điểm ở câu này. Do vậy, từ *unloading* thường được viết tách biệt thành *un loading* hoặc *an loading, an going, an load* hoặc thậm chí bỏ trống, không viết được từ nào. Xét về ĐTB, bài tập về tính linh hoạt của HS khi ghi nhớ hình thức chữ viết của động từ đạt 3.62, xếp loại khá.

Với các tính từ, HS cũng phải vận dụng để có thể xác định được đúng các tính từ đó trong các mẫu câu (các hoạt động lời nói) khác nhau. *Thin* và *full* là 2 tính từ có tỉ lệ HS ghi nhớ và tái hiện đúng hình thức chữ viết của từ chiếm tỉ lệ cao nhất. Tính từ *thin* trong hai mẫu câu đều

có tỉ lệ HS làm đúng là 94% và 96.5%. Tính từ *full* trong mẫu câu 5 và 6 có tỉ lệ HS viết lại đúng là 88.4% và 85.9%. Đa số HS liên hệ được hình thức ngữ âm của từ với hình thức chữ viết tương ứng, vận dụng được những kiến thức về từ *thin* và *full* đã học để điền từ đúng vào từng mẫu câu theo yêu cầu của bài tập. Hai tính từ *tired from* và *tired of* có tỉ lệ HS ghi nhớ và tái hiện sai hình thức chữ viết của từ chiếm tỉ lệ cao nhất, chiếm 51.3% (với từ *tired of*) và 74.9% (với từ *tired from*). Điều đó cho thấy mức độ linh hoạt của HS khi vận dụng những kiến thức đã học về những từ này ở mức thấp, các từ *short, tired, of, from* đều là những từ HS đã học rồi, khi nghe GV đọc các câu có chứa những từ đó, HS chỉ cần điền lại vào những chỗ còn trống. Tuy nhiên, rất nhiều em đã không liên hệ được, không vận dụng được những kiến thức đã học về từ, hình thức chữ viết của từ để kết hợp với nhau, không thể ghi nhớ và tái hiện lại những từ đó một cách chính xác. ĐTB của HS khi xác định và ghi nhớ hình thức chữ viết của tính từ đạt 3.32, xếp loại trung bình. Điều đó cho thấy HS đã có mức linh hoạt cần thiết khi ghi nhớ và tái hiện các tính từ đã học nhưng mức độ linh hoạt chưa cao, các em vẫn còn mắc lỗi khi ghi nhớ cách viết của những tính từ đã học khi chúng được đặt trong những câu mới, trong điều kiện, hoàn cảnh mới.

4.3. Mức độ linh hoạt của học sinh lớp 6 khi ghi nhớ nghĩa của từ tiếng Anh

Mức độ linh hoạt của HS khi ghi nhớ nghĩa của các từ đã học ở mức yếu. HS vận dụng được rất ít những kiến thức đã học về nghĩa của danh từ, tính từ và động từ để sử dụng trong những tình huống, hoàn cảnh mới. Với những câu mà nghĩa của nó không thay đổi thì tỉ lệ HS làm đúng cao (như với từ *have* trong câu *I have a round face*, từ *have* nghĩa là *có*, các em vẫn được học như vậy) nhưng trong câu *I often have*

breakfast at 6.30 am, từ *have breakfast* phải được dịch là *ăn sáng* và nghĩa cả câu là *Tôi thường ăn sáng vào lúc 6.30* thì các em mới được tính điểm câu này. Kết quả là số HS dịch được đúng như vậy chiếm tỉ lệ thấp hơn. Trên thực tế, câu này không phải là mẫu câu mới mà trong các bài học, các em đã được học câu này rồi. Điều đó cho thấy các em gần như hoàn toàn không vận dụng được những kiến thức đã học để xác định nghĩa của từ tiếng Anh.

Tương tự như vậy, với các tính từ *thin, full, short, light, tired*, HS đều đã được học trong các bài có chủ đề về cảm giác cơ thể hay miêu tả người. Bài tập yêu cầu HS dịch các từ đó trong các tình huống lời nói khác nhau. Kết quả cho thấy, HS chưa ghi nhớ được nghĩa của những từ này và vận dụng chúng chưa linh hoạt trong các câu khác nhau. Chẳng hạn, từ *thin* trong *She is thin* được hiểu là *Cô ấy gầy*; nhưng trong câu *This book is very thin* thì phải được hiểu là *Cuốn sách này rất mỏng*. Hay từ *light* trong câu *She is light* được dịch là *Cô ấy rất mảnh mai*; nhưng trong câu *This is light blue* phải được hiểu là *Đây là màu xanh nhạt*. Rất nhiều HS làm sai câu này, có em viết lại là *like* và dịch là *thích (thích màu xanh)*, hoặc có em dịch là *cái bóng điện*. Biểu hiện này là do các em chưa vận dụng được ngữ âm của những từ tiếng Anh đã học, chưa vận dụng được nội dung ngữ nghĩa của từ để làm các bài tập khác nhau. Khi nghe GV đọc từ *light*, HS lại viết là *like*, hoặc viết được là *light*, nhưng lại dịch là *cái bóng điện* - nghĩa này không đúng khi từ *light* được đặt trong câu *This is light blue*.

Với các danh từ được nghiên cứu, nhiều HS không xác định và ghi nhận được nghĩa của các danh từ đã học. *Beans* là từ có tỉ lệ HS không ghi nhận lại được nghĩa của từ chiếm tỉ lệ cao nhất (95.5%). Đây cũng là từ mà HS gặp khó khăn nhất khi phải xác định và tái hiện được hình thức chữ viết của từ (95%) dẫn tới các em

không thể xác định được nghĩa tiếng Việt của nó là gì. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối tương quan thuận giữa hai yếu tố này ($r = 0.61$, $p < 0.01$). Điều đó cho thấy việc ghi nhớ hình thức chữ viết của từ và ý nghĩa của chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Về mặt tâm lý ngôn ngữ học, mối quan hệ giữa cách viết và nội dung, ý nghĩa của từ chính là mối quan hệ giữa mặt hình thức và nội dung của ngôn ngữ. Việc học ngoại ngữ diễn ra một cách hiệu quả khi người học nắm vững được cả hai mặt này. Nói cách khác, việc dạy ngoại ngữ phải chú trọng cả hai môn học là lý thuyết tiếng và thực hành tiếng, hai hoạt động này phải được tiến hành song song và đồng bộ với nhau. Gắn với *Mô hình các cấp độ xử lý thông tin* của Craik và Tulving [5: 190], đây là mối quan hệ giữa hai cấp độ mã hóa thông tin *Physical (được viết như thế nào?)* và *Semantic (nghĩa của từ đó là gì?)*. Ở HS lớp 6, các em chưa đạt đến cấp độ mã hóa thứ hai, đồng thời ở một số từ được nghiên cứu, HS chưa liên hệ được hình thức chữ viết của từ với nội dung tương ứng, chưa linh hoạt khi vận dụng những nghĩa của từ đã có trong điều kiện mới, khi chúng được đặt trong 1 câu mới, có mối liên hệ với những từ mới.

4.4. Mức độ linh hoạt của học sinh lớp 6 khi ghi nhớ loại từ tiếng Anh

Sự linh hoạt của HS lớp 6 khi xác định và ghi nhận loại từ tiếng Anh được đánh giá thông qua việc HS xác định được loại từ một cách chính xác khi các từ đó được sắp xếp xáo trộn với nhau, không theo nội dung bài học. Kết quả thu được của bài tập này cho thấy mức độ linh hoạt của HS khi xác định danh từ, động từ và tính từ ở mức độ *trung bình*. Nghĩa là, HS lớp 6 chưa hoàn toàn linh hoạt khi xác định các loại từ trong các tình huống khác nhau. Qua các giờ

học, chúng tôi quan sát và nhận thấy khi học các từ mới, giáo viên chỉ đơn thuần viết các từ mới lên bảng và phân loại từ sang bên cạnh (ví dụ: *white (adj)*). Sau đó, HS học cách phát âm sử dụng những từ đó trong các mẫu câu theo sách giáo khoa. Vì thế, có thể sau bài học, khi yêu cầu xác định từ loại của những từ mới trong bài, HS có thể làm đúng. Nhưng khi những từ đó được sắp xếp với những từ khác, đứng trong một trật tự mới, HS lại rất lúng túng và không vận dụng được những kiến thức đã học để có thể xác định chính xác từ loại cần thiết.

Một điều nữa, chúng tôi cũng nhận thấy rằng giáo viên không chú trọng phân biệt các đặc điểm để nhận dạng các loại từ. Khi dạy từ mới GV chỉ viết loại từ sang bên cạnh mà không chỉ ra các đặc điểm để nhận ra từ loại đó như thế nào. Chẳng hạn, hậu tố *tion, ment* thường để chỉ những danh từ như từ *pollution, environment*. Hay *ful* thường chỉ các tính từ như trong *beautiful*. Vì thế, trong bài, có em xác định *pollution, environment* là động từ, là tính từ, thậm chí là trạng từ. Còn *beautiful* được xác định là danh từ... Nhận định về những lỗi HS thường mắc phải khi ghi nhớ và tái hiện loại từ, nhiều GV cũng khẳng định: *HS lớp 6 là HS đầu cấp nên việc phân biệt loại từ còn hạn chế* (Phiếu GV 7); *Là HS đầu cấp nên HS lớp 6 rất khó ghi nhớ và tái hiện loại từ* (Phiếu GV 9); *các em ít chú ý đến loại từ* (Phiếu GV 10) và việc ghi nhớ, phân loại từ còn rất hạn chế (Phiếu GV 11).

5. Kết luận

Những kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ linh hoạt của HS lớp 6 khi ghi nhớ từ tiếng Anh ở mức trung bình. HS lớp 6 chưa ghi nhớ và vận dụng được hết những kiến thức đã học về từ tiếng Anh để tái hiện và vận dụng chúng trong những hoàn cảnh, tình huống mới. Đối

với việc ghi nhớ mặt ngữ âm của từ tiếng Anh, HS lớp 6 gặp khó khăn rất lớn khi phát âm các từ tiếng Anh có nhiều âm tiết, phát âm các âm cuối, âm gió... Những đặc điểm về mặt ngữ âm này khiến các em khó ghi nhớ và vận dụng từ để hoàn thành bài tập cũng như thực hiện các hoạt động lời nói khác nhau.

HS lớp 6 chưa có sự liên hệ giữa mặt ngữ âm và hình thức chữ viết của từ cũng như chưa xác định được hình thức chữ viết của từ với những âm thanh tương ứng. Trong các đặc điểm về ngữ âm, hình thức chữ viết, nghĩa và loại từ, mức độ linh hoạt của HS lớp 6 khi ghi nhớ nghĩa của từ tiếng Anh kém nhất. Nhiều HS lớp 6 hoàn toàn không linh hoạt, sáng tạo khi ghi nhớ nghĩa của các từ tiếng Anh đã học để vận dụng chúng trong những tình huống, bài tập khác nhau.

Mức độ ghi nhớ hình thức chữ viết của từ và ghi nhớ nghĩa của từ có mối tương quan thuận với nhau và khá chặt chẽ. Đây là mối tương quan giữa mặt hình thức và nội dung của ngôn ngữ, đồng thời cũng là mối quan hệ giữa hai cấp độ mã hóa thông tin. Nếu HS mã hóa được thông tin ở mức độ sâu hơn, tức là mức độ ngữ nghĩa, thì mức độ ghi nhớ từ sẽ tốt hơn và vận dụng chúng hiệu quả hơn.

Mức độ ghi nhớ và xác định loại từ của HS lớp 6 còn rất hạn chế. Đây là nội dung ít được chú ý đến trong chương trình giảng dạy tiếng Anh lớp 6. HS lớp 6 xác định và ghi nhớ loại từ không phụ thuộc vào đặc điểm của từ (tiền tố, hậu tố...) mà phụ thuộc vào ý nghĩa của từ. Do đó, mức độ HS ghi nhớ và phân loại được từ phụ thuộc vào việc HS có ghi nhớ được nội dung, nghĩa của từ đó hay không.

Nghiên cứu này đã chỉ ra được thực trạng mức độ linh hoạt, sáng tạo của người học khi ghi nhớ và vận dụng những từ tiếng Anh đã học, phần nào cho thấy mức độ hiệu quả của

hoạt động dạy - học tiếng Anh ở lớp 6 hiện nay. Chúng tôi cho rằng GV cần chú trọng hơn nữa tới các bài tập giúp HS vận dụng những từ tiếng Anh đã học trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, giúp các em ghi nhớ và vận dụng từ tiếng Anh linh hoạt, sáng tạo hơn, hiểu nghĩa của từ trong từng tình huống và vận dụng vào giao tiếp tốt hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
- [2] Nguyễn Xuân Thúc, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.
- [3] Tiêu Vệ (Nguyễn Hồng Lâm dịch), Giúp ghi nhớ tốt, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.
- [4] Craik & Lockhart, The levels of processing model of memory, 1972.
(Theo <http://www.simplypsychology.org/levelsofprocessing.html>)
- [5] Robert J. Sternberg, Cognitive psychology 5th Edition, Wadsworth Cengage Learning, 2009, 183-201.
- [6] Trần Hữu Luyến, Dạy học từ ngoại ngữ theo tiếp cận tâm lý học, Tạp chí tâm lý học, số 8 (8/2012), tr.14.
- [7] Karlin R. & Karlin A. R., Teaching Elementary Reading: Principle and strategies (4th Ed.), Harcourt Brace Jovanovich Publishers, 1987.

Sixth Graders' Flexibility in Memorizing English Vocabulary

Đào Thị Diệu Linh

*Division of Educational Psychology, VNU University of Languages and International Studies,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: This paper discusses 6th graders' flexibility when they studied and memorized English vocabulary. The study results show that their flexibility in studying and memorizing English words was at average level. Students did not remember the word meanings or did not use these meaning creatively in different contexts. The memorized extent of a word's written form and meaning had a positive and tight correlation. This is the relationship between form and content of the language, as well as the relationship of the two levels of information encoding. If students memorized information at a deeper level (the semantic level), they would remember words better and use them more effectively. These results are the scientific basis to assess the level of English word memorization skills of 6th graders, and to improve the effectiveness of English teaching and learning in secondary schools.

Keywords: Flexibility, memorization skills, vocabulary memorization skills, memorizing English vocabulary, English vocabulary.